

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Ngôn ngữ Anh/Bachelor of English
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo chính/Major:	Ngôn ngữ Anh/ English
Mã ngành đào tạo chính /Code:	7220201
Ngành đào tạo phụ/Minor:	Quản trị kinh doanh/ Business Management
Mã ngành đào tạo phụ /Code:	7340101
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	145
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	225/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình:	Năm 2023
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Ngoại ngữ Kinh tế

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh đào tạo cử nhân đại học với ngành chính Ngôn ngữ Anh, ngành phụ Quản trị kinh doanh. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có khả năng sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, và trong môi trường nghề nghiệp khác có yêu cầu sử dụng tiếng Anh làm công cụ giao tiếp chính

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học, các bình diện của ngôn ngữ Anh, và văn hóa các nước nói tiếng Anh và văn hóa Việt Nam để có thể vận dụng trong thực hành nghề nghiệp ở môi trường đa văn hoá, đa ngôn ngữ.
PO3	Có kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế-quản trị kinh doanh và có thể vận dụng thực hành các hoạt động nghề nghiệp và học tập nâng cao, nhất là ở môi trường có sử dụng tiếng Anh.
PO4	Sử dụng tiếng Anh thành thạo ở mức độ C1 theo Khung tham chiếu về đánh giá năng lực sử dụng ngoại ngữ theo tiêu chuẩn chung Châu Âu (CEFR) với các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), biên dịch, phiên dịch, đặc biệt kỹ năng tiếng Anh ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Sử dụng ngoại ngữ 2 ở mức độ tương đương B1.
PO5	Được trang bị các năng lực của thế kỷ 21: thành thạo các công cụ công nghệ thông tin; có tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc định hướng đào tạo của mình; có năng lực hợp tác, giao tiếp; đổi mới sáng tạo. Có các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của Việt Nam và các nước nói tiếng Anh để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp có yếu tố nước ngoài; sử dụng các kiến thức này để phân tích sự phát triển của ngôn ngữ, giải thích các hiện tượng ngôn ngữ; ứng dụng trong nghiên cứu liên ngành; đánh giá ảnh hưởng của các lĩnh vực cụ thể đó tới đời sống của con người trong các nước nói tiếng Anh.
PLO1.5	Hiểu các khái niệm cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ, những kiến thức căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; có thể vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Anh (Ngữ âm, âm vị học, từ vựng học, Ngữ pháp) để phân tích được cấu trúc ngôn ngữ và giải thích một số hiện tượng ngôn ngữ; sử dụng được những kiến thức lý thuyết ngôn ngữ và thực hành ngôn ngữ để thực hiện một cách hiệu quả các hoạt động giao tiếp hàng ngày, cũng như các hoạt động học tập và nghiên cứu tại bậc đại học, và trong các công việc sau này như biên tập viên, giảng dạy tiếng Anh, biên/phiên dịch viên, truyền thông, văn phòng, nghiên cứu ngôn ngữ...
PLO1.6	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về truyền thông-marketing, quản trị kinh doanh quốc tế, giao tiếp kinh doanh, tài chính ngân hàng để giải quyết một vấn đề thực tiễn, và thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực nghề nghiệp như sales quốc tế,

	marketing, quản lý nhân sự, truyền thông doanh nghiệp...; đánh giá tính hiệu quả của một số hoạt động kinh tế, kinh doanh, truyền thông, quy trình tuyển dụng... tại một số cơ sở.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.2	Sử dụng các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ thành thạo và tự nhiên tương đương C1 với các mục đích giao tiếp khác nhau; Sử dụng các kỹ năng tiếng Anh học thuật ở mức độ thành thạo trong việc học các môn chuyên ngành, và trong hoạt động nghiên cứu chuyên môn (vd. kỹ năng trích dẫn, kỹ năng thuyết trình hiệu quả, kỹ năng đọc phân tích, kỹ năng nghe-tốc kí ...)
PLO2.3	Sử dụng ở mức độ thành thạo các kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực marketing, ngân hàng tài chính, kinh doanh quốc tế...
PLO2.4	Sử dụng được ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp/Trung) ở trình độ tương đương trung cấp.
PLO2.5	Thể hiện kỹ năng giao tiếp tốt; và có thể áp dụng để giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh tại môi trường có yếu tố nước ngoài (kỹ năng thảo luận, thuyết trình, thuyết phục, đàm phán, trao đổi thư tín, viết báo cáo, viết kế hoạch...)
PLO2.6	Kết hợp các kỹ năng/ kỹ thuật dịch để chuyển tải ngôn ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại dưới dạng ngôn ngữ nói và viết, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.
PLO2.7	Thể hiện được tư duy phản biện, kỹ năng tìm kiếm thông tin phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc định hướng đào tạo của mình.
PLO2.8	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc phân chia nhóm, và kết hợp các kỹ năng để giải quyết các tình huống khó khăn đặt ra; có thể đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc.
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các

	hoạt động.
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học.
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn.

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1.1	x				
PLO1.2	x				
PLO1.3	x				
PLO1.4		x			
PLO1.5		x			
PLO1.6			x		
PLO2.1					x
PLO2.2				x	
PLO2.3				x	
PLO2.4				x	
PLO2.5					x
PLO2.6				x	
PLO2.7					x
PLO2.8					x
PLO3.1					x
PLO3.2					x
PLO3.3					x
PLO3.4					x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

Với lợi thế về ngoại ngữ cùng kiến thức kinh tế-kinh doanh, cử nhân ngôn ngữ Anh có thể đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm theo các định hướng sau đây:

- Phiên dịch, biên dịch: biên dịch viên, phiên dịch viên, điều phối viên dự án cho các cơ quan và tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp.

- Quản trị kinh doanh tổng hợp: cán bộ các phòng chức năng tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội của Việt nam và quốc tế (ví dụ: bán hàng quốc tế, truyền thông, marketing, quản lý nhân sự, xuất nhập khẩu...) trợ lý, thư ký trong các doanh nghiệp; tham gia khởi nghiệp kinh doanh.

- Sư phạm: giáo viên dạy Tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo khác nhau, đặc biệt tiếng Anh chuyên ngành kinh tế-kinh doanh.

- Quan hệ quốc tế, đối ngoại: các vị trí nghề nghiệp mà kỹ năng giao tiếp, ngôn ngữ là thế mạnh trong bộ phận đối ngoại tại các cơ quan, bộ phận báo chí truyền thông của các cơ quan, doanh nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngôn ngữ Anh có thể tham gia học bậc học cao hơn về các ngành giảng dạy ngoại ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ, quản trị kinh doanh, và các ngành liên quan khác.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	46	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	11	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	99	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	9	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	80	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	50	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	145	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			46		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III-IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=>IV	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III-VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=>V II	
6	6	Pháp luật đại cương / Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	II	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV	
		Ngoại ngữ 2 / Second Foreign Language (SV chọn 3 học phần trong tổ hợp 6 học phần cùng một thứ tiếng)				
11	5	Ngoại ngữ 2.1 (Tiếng Trung 1) Second Foreign Language (Chinese 1)	NNKC1128	3	V	
12		Ngoại ngữ 2.1 (Tiếng Pháp1) Second Foreign Language (French 1)	NNKC1125	3	V	
13	6	Ngoại ngữ 2.2 (Tiếng Trung 2) Second Foreign Language (Chinese 2)	NNKC1129	3	VI	NNKC1128

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	7	Ngoại ngữ 2.2 (Tiếng Pháp 2) Second Foreign Language (French 2)	NNKC1126	3	VI	NNKC1125
		Ngoại ngữ 2.3 (Tiếng Trung 3) Second Foreign Language (Chinese 3)	NNKC1130	3	VII	NNKC1128 / NNKC1129
		Ngoại ngữ 2.3 (Tiếng Pháp 3) Second Foreign Language (French 3)	NNKC1127	3	VII	NNKC1125 / NNKC1126
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực				11		
14 15 16 17	1	Đại cương văn hóa Việt nam Vietnamese culture foundation	NNTV1111	3	III	
	2	Dẫn luận ngôn ngữ Introduction to linguistics	NNTV1102	2	I	
	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
	4	Quản trị kinh doanh 1 - E Business Management 1 - E	QTTH1129	3	III	KHMI1101
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				99		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				9		
18 19 20 21	1	Ngữ âm - âm vị học Phonetics and Phonology	NNTM110 3	2	V	NNTM1178 NNTM1181
	2	Ngữ pháp Tiếng Anh ứng dụng Applied English Grammar	NNTM113 4	2	VI	NNTM1178 NNTM1181
	3	Từ vựng học Lexicology	NNTM113 3	2	VII	NNTM1178 NNTM1181
	4	Tiếng Việt cơ sở Vietnamese Language	NNTV1114	3	II	
2.2. Các học phần của ngành				80		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				50		
22	1	Ngữ âm thực hành Pronunciation	NNTM110 4	2	I	
23	2	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe, Nói 1 English – Listening & Speaking Skills 1	NNTM1176	3	I	
24	3	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe, Nói 2 English – Listening & Speaking Skills 2	NNTM1177	3	II	NNTM1176
25	4	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe, Nói 3	NNTM1178	3	III	NNTM1177

STT		Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		English – Listening & Speaking Skills 3				
26	5	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc, Viết 1 English – Reading and Writing Skills 1	NNTM1179	3	I	
27	6	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc, Viết 2 English – Reading and Writing Skills 2	NNTM 1180	3	II	NNTM1179
28	7	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc, Viết 3 English – Reading and Writing Skills 3	NNTM1181	3	III	NNTM1180
29	8	Tiếng Anh - Kỹ năng Nghe 4 English - Listening Skills 4	NNTM116 7	3	IV	NNTM1178
30	9	Tiếng Anh - Kỹ năng Nói 4 English - Speaking Skills 4	NNTM116 8	3	IV	NNTM1178
31	10	Tiếng Anh - Kỹ năng Đọc 4 English - Reading Skills 4	NNTM116 6	3	IV	NNTM1181
32	11	Tiếng Anh - Kỹ năng Viết 4 English - Writing Skills 4	NNTM116 9	3	IV	NNTM1181
33	12	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 1 Integrated skills - English for economics and business 1	NNTM115 1	3	I	
34	13	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 2 Integrated skills - English for economics and business 2	NNTM115 7	3	II	NNTM1151
35	14	Thực hành Biên dịch 1 Translation 1	NNTM110 7	2	V	NNTM1178 NNTM1181
36	15	Thực hành Phiên dịch 1 Interpretation 1	NNTM111 0	2	V	NNTM1178 NNTM1181
37	16	Thực hành Biên dịch 2 Translation 2	NNTM110 8	2	VI	NNTM1107
38	17	Thực hành Phiên dịch 2 Interpretation 2	NNTM111 1	2	VI	NNTM1110
39	18	Chuyên đề thực tế (Project)	NNTM1175	4	V	
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)				30		
40 41 42	1	Văn hóa các nước nói tiếng Anh Culture of English Speaking Countries	NNTM117 0	3	IV	NNTM1178 NNTM1181
	2	Tư duy phản biện	NNTM117	3	V	NNTM1178

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
43		Critical thinking	3			NNTM1181
44	3	Chuyên đề Tài chính - Ngân hàng - E English for Banking & Finance	NNTM115 0	3	VI	NNTM1157
45						NNTM1178
46						NNTM1181
47	4	Chuyên đề Giao tiếp Kinh doanh - E Business Communication-in English	NNTM115 9	3	V	NNTM1157
48						NNTM1178
49						NNTM1181
	5	Chuyên đề Kinh doanh Quốc tế - E English for International Business -E	NNTM116 1	3	VII	NNTM1157 NNTM1178 NNTM1181
	6	Thực hành Biên dịch 3 Translation 3	NNTM116 3	3	VII	NNTM1108
	7	Thực hành Phiên dịch 3 Interpretation 3	NNTM116 4	3	VII	NNTM1111
	8	Thực hành tổng hợp - Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh 3 Integrated skills - English for economics and business 3	NNTM115 2	3	III	NNTM1157
	9	Marketing căn bản - E Principles of Marketing- in English -E	MKMA110 5	3	VI	
	10	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	V	
	11	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	VI	QLKT1101
	12	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3	VII	QLKT1101
	13	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh English Teaching Methodology	NNTM117 2	3	VII	NNTM1178 NNTM1181
	14	Giao thoa văn hoá Cross culture	NNTV1112	3	VI	
	15	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	DLLH1131	3	VII	
50	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		NNTM1174	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			14 5		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

-Chương trình sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như thuyết giảng, thảo luận, dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

-Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Các phương pháp được mô tả trong bảng sau đây:

S T T	Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mô tả phương pháp và Mục đích
1	Thuyết giảng	Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng các môn học một cách khoa học, logic
2	Giải thích cụ thể	Đây là phương pháp dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
3	Tham luận	Sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
4	Thảo luận trên lớp	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
5	Thuyết trình và tranh biện	Thuyết trình: Sinh viên trình bày các vấn đề liên quan tới nội dung của môn học, nhằm rèn luyện kỹ năng nói trước đám đông. Tranh luận: Sinh viên trình bày các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình.

		Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như nói trước đám đông, tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định
6	Bài tập cá nhân	Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế.
7	Bài tập nhóm	Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung môn học vào cần đề thực tế
8	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.
9	Nghiên cứu tình huống	Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết các vấn đề thực tế.
10	Học theo dự án	Được áp dụng trong một số học phần chuyên sâu, đề án, chuyên đề tốt nghiệp. Giúp sinh viên vận dụng các nội dung chương trình học vào vấn đề thực tế, phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên sâu.
11	Thực tập/thăm quan thực tế	Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Khoa NNKT đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

- Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của Khoa được chia thành 2 loại chính là đánh giá tiến trình hay đánh giá theo quá trình (On-going/Formative Assessment), và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment) dành cho việc đánh giá kết thúc học phần.

- Các PPĐG được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo đo lường được CDR của CTĐT, bao gồm bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm...tùy theo đặc thù từng học phần. Nội dung và PPĐG gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Stt	Phương pháp đánh giá	
	Đánh giá quá trình (On-going/Formative Assessment)	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Các hình thức đánh giá cụ thể với loại đánh giá quá trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Assignment), và đánh giá thuyết trình/tranh biện (Oral Presentation/Debate)
1.	Đánh giá chuyên cần (Attendance and Participation)	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2.	Đánh giá bài tập (Assignment)	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập/ bài kiểm tra này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Các bài tập có thể là những bài nhiệm vụ (task), bài tập (exercise/ portfolios, hoặc dự án nhỏ (project)...

3.	Đánh giá thuyết trình)/Tranh biện (Oral Presentation/Debate)	Trong một số học phần thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên giáo viên sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể trong rubrics.
Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)		Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ. Các hình thức đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation)
1.	Kiểm tra viết tự luận (Written Exam)	Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
2.	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
3.	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

4.	Báo cáo (Written Report)	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên. Các báo cáo có nội dung giải quyết một vấn đề thuộc môn học, hoặc là sản phẩm của một dự án/đề án môn học/chuyên đề, Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên, giáo viên sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể trong rubrics.
5.	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	Phương pháp đánh giá này giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên, giáo viên sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể trong rubrics.

-Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp...dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

-Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

-Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

-Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh thương mại của Đại học Assumption University, Thái Lan

<https://admissions.au.edu/wp-content/uploads/2021/09/Undergraduate-Bulletin-Assumption-University-2021-Edition-Arts-English.pdf>

-Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của Đại học Ngoại ngữ- Đại học quốc gia Hà Nội

<https://daotao.ulis.vnu.edu.vn/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ngon-ngu-anh/>

-Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của Đại học Hà Nội

<https://hanu.edu.vn/c/9030/Ngon-ngu-Anh>

-Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại) của Đại học Ngoại thương

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực nhân văn và quản trị kinh doanh, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành ngôn ngữ và ngôn ngữ Anh, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên.

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực nhân văn và quản trị kinh doanh, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành ngôn ngữ và ngôn ngữ Anh phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình

đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

TRƯỜNG KHOA

PGS.TS Phạm Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023



GS.TS Phạm Hồng Chương